

Số: 27/2021/NQ-HĐND

Thái Bình, ngày 10 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi
và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách
ở địa phương giai đoạn 2022-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Thực hiện Thông báo số 305-TB/TU ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách ở địa phương giai đoạn 2022-2025;

Xét Tờ trình số 203/TTr-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách ở địa phương giai đoạn 2022-2025; Báo cáo thẩm tra số 38/BC-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách ở địa phương giai đoạn 2022-2025.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.



Me

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

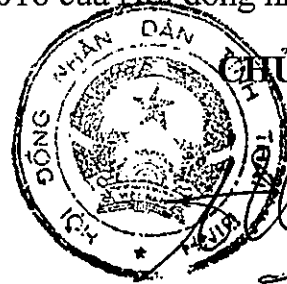
Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình Khóa XVII Kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

Nghị quyết này thay thế: Nghị quyết số 48/2016/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách ở địa phương từ năm 2017; Nghị quyết số 16/2018/NQ-HĐND ngày 16 tháng 10 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số nội dung phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách ở địa phương từ năm 2017 kèm theo Nghị quyết số 48/2016/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị quyết số 20/2018/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung nội dung phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách ở địa phương từ năm 2017 kèm theo Nghị quyết số 48/2016/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh. / *mmc*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Thái Bình;
- Thường trực Huyện ủy, Thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, thành phố;
- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;
- Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;
- Báo Thái Bình, Công báo tỉnh, Công thông tin điện tử Thái Bình; Trang thông tin điện tử Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Lưu VTVP.

Phuy



CHỦ TỊCH

Nguyễn Tiến Thành

Nguyễn Tiến Thành





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
PHÂN CẤP NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI VÀ TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%)
PHÂN CHIA NGUỒN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH Ở ĐỊA PHƯƠNG
GIẢI ĐOẠN 2022-2025

*(Kèm theo Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021
của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

Chương I

PHÂN CẤP NGUỒN THU VÀ TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%)
PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU

Điều 1. Nguồn thu ngân sách địa phương phân cấp

1. Các khoản thu ngân sách địa phương được hưởng 100%.
2. Các khoản thu ngân sách địa phương được hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và cơ quan có thẩm quyền.
3. Các nguồn thu khác ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật.

Phần ngân sách địa phương được hưởng từ các khoản thu theo quy định được tính theo tỷ lệ là 100% để thực hiện phân chia tỷ lệ cho các cấp chính quyền địa phương.

Điều 2. Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%

1. Thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và tiền cho thuê đất, thuê mặt nước thu từ doanh nghiệp nhà nước và công ty cổ phần có phần vốn nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.
2. Thuế giá trị gia tăng vãng lai của các công trình xây dựng lớn, trọng điểm trên địa bàn tỉnh có tổng mức đầu tư từ 500 tỷ đồng trở lên thuộc nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh, ngân sách trung ương, vốn trái phiếu Chính phủ và tập đoàn, công ty nhà nước.
3. Thuế tài nguyên thu từ doanh nghiệp, công ty, hợp tác xã và tổ chức kinh tế khác.
4. Tiền đấu giá quyền thuê đất của cơ quan, đơn vị tổ chức thuộc cấp tỉnh quản lý nộp tiền thuê đất 01 lần cho cả thời gian thuê thực hiện theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.
5. Thuế bảo vệ môi trường thu từ sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước.
6. Phí thu từ hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện và phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công cấp tỉnh quản lý (phần nộp ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật).



7. Lệ phí do cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thu, phần nộp ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

8. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương xử lý phần nộp ngân sách tỉnh theo quy định (bao gồm cả đền bù thiệt hại đất nộp ngân sách cấp tỉnh).

9. Thu từ tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật.

10. Tiền sử dụng khu vực biển đối với trường hợp giao khu vực biển thuộc thẩm quyền giao của địa phương.

11. Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

12. Thu từ bán tài sản Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý (bao gồm cả tài sản của cơ quan trung ương đóng trên địa bàn, bàn giao lại cho tỉnh quản lý, sử dụng).

13. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách tỉnh theo quy định của pháp luật.

14. Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân cho ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật và các khoản đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách cấp tỉnh.

15. Các khoản thu hồi vốn của ngân sách cấp tỉnh đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu.

16. Các khoản thu khác nộp vào ngân sách cấp tỉnh theo quy định của pháp luật: Thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt, tịch thu (nếu có) của các sở, ban, ngành, các đơn vị thuộc tỉnh đóng trên địa bàn.

17. Thu từ Quỹ dự trữ tài chính địa phương.

18. Thu chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh.

19. Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh.

20. Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương.

Điều 3. Các khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng 100%

1. Lệ phí môn bài thu từ doanh nghiệp, công ty, hợp tác xã và tổ chức kinh tế khác.

2. Tiền thuê đất, thuê mặt nước thu từ doanh nghiệp, công ty, hợp tác xã và tổ chức kinh tế khác thuộc khu vực ngoài quốc doanh (không bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp, công ty, hợp tác xã và tổ chức kinh tế khác tại khoản 5 Điều 5 Quy định này).

3. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán.

4. Lệ phí trước bạ các phương tiện giao thông, lệ phí trước bạ khác (trừ lệ phí trước bạ nhà đất theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy định này).

5. Phí thu từ hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước cấp huyện thực hiện và phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công cấp huyện quản lý, phần nộp ngân sách cấp huyện theo quy định của pháp luật.

6. Lệ phí do cơ quan, đơn vị cấp huyện thu, phần nộp ngân sách cấp huyện theo quy định của pháp luật.

7. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương xử lý phần nộp ngân sách cấp huyện theo quy định (bao gồm cả đền bù thiệt hại đất nộp ngân sách cấp huyện).

8. Thu từ bán tài sản Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc huyện, thành phố quản lý.

9. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách cấp huyện theo quy định của pháp luật.

10. Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân cho ngân sách cấp huyện theo quy định của pháp luật và đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách cấp huyện.

11. Các khoản thu khác nộp vào ngân sách cấp huyện theo quy định của pháp luật: Thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt, tịch thu (nếu có) của các phòng, ban, các đơn vị thuộc huyện, thành phố.

12. Thu chuyển nguồn ngân sách cấp huyện.

13. Thu kết dư ngân sách cấp huyện.

14. Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh.

Điều 4. Các khoản thu ngân sách xã, phường, thị trấn hưởng 100%

1. Lệ phí môn bài, thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động sản xuất kinh doanh, thuế tài nguyên, thuế tiêu thụ đặc biệt, thu tiền cho thuê đất của cá nhân, hộ kinh doanh cá thể và thuế giá trị gia tăng thu từ cá nhân hoạt động xây dựng nhà ở tư nhân trên địa bàn xã, phường, thị trấn.

2. Thuế giá trị gia tăng từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của cá nhân, hộ kinh doanh cá thể (trừ thuế giá trị gia tăng quy định tại khoản 1 Điều này), lệ phí trước bạ nhà đất và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp trên địa bàn xã, thị trấn.

3. Các khoản phí thu từ hoạt động sự nghiệp của xã, phường, thị trấn, phần nộp vào ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật.

4. Lệ phí do cơ quan, đơn vị, địa phương thu, phần nộp ngân sách xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật.

5. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản.

6. Thu từ bán tài sản Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc xã, phường, thị trấn quản lý.

7. Tiền đền bù thiệt hại đất nộp cho ngân sách cấp xã.

8. Các khoản huy động, đóng góp tự nguyện cho ngân sách xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật.

9. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật.

10. Các khoản thu khác nộp vào ngân sách xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật: Thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt, tịch thu (nếu có) của xã, phường, thị trấn.

11. Thu chuyển nguồn ngân sách xã, phường, thị trấn.

12. Thu kết dư ngân sách xã, phường, thị trấn.

13. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách xã, phường, thị trấn.

Điều 5. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã

1. Thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp khu vực ngoài quốc doanh của doanh nghiệp, công ty, hợp tác xã và tổ chức kinh tế khác (không bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài).

a) Trên địa bàn Thành phố: Ngân sách cấp tỉnh 80%, ngân sách cấp thành phố 20%.

b) Trên địa bàn huyện Thái Thụy:

- Thuế giá trị gia tăng của Công ty trách nhiệm hữu hạn Vận tải thủy bộ Hải Hà: Ngân sách cấp tỉnh 50%, ngân sách cấp huyện 50%.

- Trên địa bàn thị trấn Diêm Điền: Ngân sách cấp huyện 90%, ngân sách thị trấn 10%.

- Trên địa bàn các xã còn lại: Ngân sách cấp huyện 70%, ngân sách cấp xã 30%.

c) Trên địa bàn huyện Quỳnh Phụ:

- Trên địa bàn xã Quỳnh Mỹ: Ngân sách cấp huyện 80%, ngân sách cấp xã 20%; riêng nguồn thu từ Chi nhánh Công ty trách nhiệm hữu hạn Sao Vàng: Ngân sách cấp huyện 100%.

- Trên địa bàn thị trấn: Ngân sách cấp huyện 80%, ngân sách thị trấn 20%.

- Trên địa bàn các xã còn lại: Ngân sách cấp huyện 70%, ngân sách cấp xã 30%.

d) Trên địa bàn huyện Đông Hưng:

- Trên địa bàn xã Đông Xuân, Đông La, Đô Lương: Ngân sách cấp huyện 95%, ngân sách cấp xã 5%.

- Trên địa bàn thị trấn: Ngân sách cấp huyện 90%, ngân sách thị trấn 10%.

Phạm Thị Hằng

- Trên địa bàn các xã còn lại: Ngân sách cấp huyện 70%, ngân sách cấp xã 30%.

đ) Trên địa bàn huyện Tiền Hải:

- Trên địa bàn xã Tây Giang, Đông Lâm: Ngân sách cấp huyện 95%, ngân sách cấp xã 5%.

- Trên địa bàn các xã, thị trấn còn lại: Ngân sách cấp huyện 80%, ngân sách cấp xã 20%.

e) Trên địa bàn các huyện còn lại:

- Trên địa bàn thị trấn: Ngân sách cấp huyện 80%, ngân sách thị trấn 20%.

- Trên địa bàn xã: Ngân sách cấp huyện 70%, ngân sách cấp xã 30%.

g) Thu từ các doanh nghiệp, công ty mới đi vào hoạt động tại Khu kinh tế Thái Bình (bao gồm cả thuế giá trị gia tăng vãng lai trong quá trình xây dựng): Ngân sách cấp tỉnh 80%, ngân sách cấp huyện 20%.

2. Thuế giá trị gia tăng của cá nhân, hộ kinh doanh cá thể, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp trên địa bàn phường (trừ thuế giá trị gia tăng quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này): Ngân sách cấp thành phố 70%, ngân sách phường 30%.

3. Thuế tiêu thụ đặc biệt thu khu vực ngoài quốc doanh của doanh nghiệp, công ty, hợp tác xã và tổ chức kinh tế khác (không bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài): Ngân sách cấp tỉnh 80%, ngân sách cấp huyện 20%.

4. Thuế thu nhập cá nhân (trừ thuế thu nhập cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này).

a) Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng bất động sản .

- Trên địa bàn xã, thị trấn: Ngân sách cấp huyện 50%, ngân sách cấp xã 50%.

- Trên địa bàn phường: Ngân sách cấp tỉnh 30%, ngân sách cấp thành phố 50%, ngân sách phường 20%.

b) Thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công và chuyển nhượng vốn, bản quyền, khác.

- Trên địa bàn huyện: Ngân sách cấp tỉnh 50%, ngân sách cấp huyện 50%.

- Trên địa bàn thành phố: Ngân sách cấp tỉnh 60%, ngân sách cấp thành phố 40%.

5. Tiền thuê đất, mặt nước bãi triều ven biển nuôi ngao tại huyện Tiền Hải và huyện Thái Thụy: Ngân sách cấp huyện 30%, ngân sách cấp xã 70%.

Điều 6. Các khoản phí, lệ phí được thực hiện theo quy định của Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 7. Các khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100% theo luật định, nguồn thu gắn với vai trò quản lý của cấp chính quyền nào thì phân cấp cho

Handwritten signature

chính quyền đó hưởng 100% (bao gồm cả các khoản phải thực hiện ghi thu, ghi chi vào ngân sách Nhà nước).

Chương II **PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI**

Điều 8. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh

1. Chi đầu tư phát triển

a) Đầu tư xây dựng cơ bản cho các chương trình, dự án (bao gồm đầu tư giải phóng mặt bằng, xây dựng mới và cải tạo, sửa chữa lớn, dự án mua sắm thiết bị, chuyển giao công nghệ và khác) các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn theo các lĩnh vực quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật Ngân sách nhà nước do cấp tỉnh quản lý, bao gồm chi trả nợ các khoản ngân sách tỉnh vay, huy động đến hạn trả.

Chi tiết các lĩnh vực như sau:

- Giáo dục, đào tạo và dạy nghề: Các dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị của trường đại học và trường chuyên nghiệp tỉnh quản lý, các trường trung học phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh do cấp tỉnh quản lý.

- Khoa học và công nghệ: Các dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các tổ chức khoa học và công nghệ; các phòng thí nghiệm, xưởng thực nghiệm; các trung tâm phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định; các phòng thiết kế chuyên dụng trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật; các trung tâm ứng dụng và chuyển giao công nghệ, các chi cục tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng; các trạm, trại thực nghiệm; khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao do cấp tỉnh quản lý.

- Quốc phòng, an ninh: Các dự án phục vụ mục tiêu quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, ứng phó với sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ trung ương giao địa phương quản lý.

- Y tế, dân số và gia đình: Các dự án bệnh viện, cơ sở y tế, trung tâm kiểm nghiệm, kiểm định, giám định của cơ quan quản lý chuyên ngành do cấp tỉnh quản lý.

- Văn hóa, thông tin: Các dự án đầu tư xây dựng, tu bổ, tôn tạo di sản văn hóa thế giới, di tích quốc gia đặc biệt và di tích do cấp tỉnh quản lý; bảo tồn văn hóa truyền thống, các dự án văn hóa; dự án phục vụ hoạt động xuất bản, thông tấn, báo chí; các dự án đầu tư hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin, bảo mật và an toàn thông tin điện tử trong cơ quan nhà nước; hạ tầng công nghệ thông tin cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp, hạ tầng thương mại điện tử, giao dịch điện tử do cấp tỉnh quản lý.

- Đài Phát thanh và Truyền hình Thái Bình.



- Thẻ dự, thẻ thao: Các dự án thuộc lĩnh vực hạ tầng thẻ dự, thẻ thao do cấp tỉnh quản lý.

- Bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên: Các dự án đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành mạng lưới quan trắc môi trường, đổi mới công nghệ xử lý chất thải; quan trắc môi trường của địa phương; thông tin, cảnh báo về ô nhiễm môi trường theo quy định của pháp luật; các dự án trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước; khoáng sản; địa chất; khí tượng, thủy văn; quản lý tổng hợp về biển và hải đảo, kinh tế khác do cấp tỉnh quản lý.

- Các hoạt động kinh tế do cấp tỉnh quản lý, như: Các dự án thủy lợi, hạ tầng phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và phát triển rừng bền vững; phát triển thủy sản; phát triển giống cây trồng, vật nuôi; các dự án phòng, tránh thiên tai, bão lụt, hạn hán.

Hạ tầng các khu kinh tế ven biển, hạ tầng khu công nghiệp; mạng lưới điện phục vụ quốc phòng, an ninh; sản xuất năng lượng tái tạo; các dự án hạ tầng giao thông; dự án chợ đầu mối, trung tâm logistic, trung tâm hội chợ triển lãm, kết cấu hạ tầng khác do cấp tỉnh quản lý.

- Quản lý nhà nước: Các dự án trụ sở, nhà công vụ của các cơ quan Đảng, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh; trụ sở của các sở, ban, ngành thuộc tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư.

- Bảo đảm xã hội: Các dự án cải tạo, nâng cấp công trình mộ, nghĩa trang liệt sỹ, công trình ghi công liệt sỹ của tỉnh; các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng, phục hồi chức năng cho người có công với cách mạng, cơ sở cung cấp dịch vụ công tác xã hội, cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở cai nghiện ma túy, hỗ trợ việc làm, dạy nghề; hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, gia đình có hoàn cảnh khó khăn do gặp thiên tai, hỏa hoạn; chăm sóc sức khỏe cán bộ, công chức và các dự án trợ giúp xã hội khác theo phân cấp của tỉnh quản lý.

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật; đầu tư nhà nước vào doanh nghiệp do địa phương quản lý theo quy định của pháp luật.

c) Chi cho Quỹ Đầu tư phát triển và Quỹ Phát triển đất theo quy định.

d) Chi hỗ trợ các quỹ, bổ sung vốn vay cho tổ chức tín dụng để cho hộ nghèo, hộ chính sách vay theo quyết định của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

đ) Chi hỗ trợ cho dự án trọng điểm của huyện, thành phố; của cấp xã; hỗ trợ vùng khó khăn đầu tư công trình kết cấu hạ tầng, công trình phục vụ công cộng theo quy định.



e) Phân chi đầu tư phát triển trong các chương trình mục tiêu Quốc gia do các cơ quan cấp tỉnh thực hiện.

g) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

2. Chi thường xuyên

a) Các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề:

- Giáo dục phổ thông, Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh, các hoạt động giáo dục khác thuộc cấp tỉnh quản lý.

- Đại học, cao đẳng, trường chính trị tỉnh, trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác thuộc cấp tỉnh quản lý.

b) Sự nghiệp khoa học và công nghệ: Nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, các hoạt động sự nghiệp khoa học và công nghệ khác.

c) Sự nghiệp y tế, dân số - kế hoạch hóa gia đình:

- Phòng bệnh, chữa bệnh và các hoạt động y tế, dân số kế hoạch hóa gia đình khác.

- Kinh phí mua Bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi, chế độ hỗ trợ Bảo hiểm y tế cho học sinh, sinh viên.

- Kinh phí mua Bảo hiểm y tế cho người nghèo, người cận nghèo và hỗ trợ cho đối tượng theo quy định của tỉnh.

- Chi chế độ cho cán bộ và kinh phí hoạt động của các Trung tâm y tế huyện, thành phố và Trạm y tế xã, phường, thị trấn.

d) Sự nghiệp văn hóa, thông tin: Bảo tồn, bảo tàng, thư viện, biểu diễn nghệ thuật và các hoạt động văn hóa, thông tin khác do cấp tỉnh quản lý.

đ) Sự nghiệp thể dục, thể thao: Bồi dưỡng, huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh, các giải thi đấu cấp tỉnh; quản lý các cơ sở thi đấu thể dục, thể thao và các hoạt động thể dục, thể thao khác do cấp tỉnh quản lý.

e) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình.

g) Sự nghiệp tài nguyên, môi trường:

- Sự nghiệp tài nguyên (quản lý đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản); đo đạc bản đồ; khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu; quản lý tổng hợp biển.

- Sự nghiệp bảo vệ môi trường theo quy định.

h) Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do các cơ quan cấp tỉnh quản lý:

- Sự nghiệp giao thông: Hoạt động bảo trì, quản lý sử dụng, khai thác kết cấu hạ tầng giao thông do cấp tỉnh thực hiện theo quy định.

- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp, diêm nghiệp và khuyến khích sự nghiệp kinh tế: Duy tu bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, các trạm, trại nông nghiệp, ngư nghiệp; phòng chống lụt bão; công tác khuyến

Thuy

nông, khuyến ngư, bảo vệ rừng và nguồn lợi thủy sản; chi sự nghiệp khuyến công, thương, ngư và diêm theo quy định.

- Định canh, định cư và phát triển nông thôn theo quy định.
- Điều tra cơ bản, quy hoạch; xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch.
- Các sự nghiệp kinh tế khác do cấp tỉnh quản lý.

i) Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội do ngân sách tỉnh bảo đảm theo quy định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

k) Hoạt động quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể:

- Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước ở cấp tỉnh.
- Hoạt động của các cơ quan Đảng ở cấp tỉnh.
- Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội nông dân, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.

l) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

m) Chi bảo đảm xã hội:

- Các cơ sở bảo trợ xã hội, trợ giúp xã hội khẩn cấp, cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng, điều dưỡng và phục hồi chức năng cho người có công với các mạng; sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới và các hoạt động sự nghiệp xã hội khác do tỉnh quản lý.
- Thực hiện các chính sách xã hội do cấp tỉnh quản lý.

n) Phần chi thường xuyên trong các chương trình mục tiêu Quốc gia do cơ quan cấp tỉnh thực hiện.

o) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản tiền do chính quyền cấp tỉnh vay theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

4. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh.

5. Chi chuyển nguồn từ năm trước sang năm sau.

6. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.

Điều 9. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện, thành phố

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Chi đầu tư xây dựng (bao gồm đầu tư giải phóng mặt bằng, xây dựng mới và cải tạo, sửa chữa lớn) các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn theo các lĩnh vực quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật Ngân sách nhà nước do cấp huyện quản lý, bao gồm:

Như

- Giáo dục, đào tạo và dạy nghề: Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện, thành phố; Trung tâm Giáo dục thường xuyên, hướng nghiệp dạy nghề huyện, thành phố.

- Chi đầu tư ứng dụng khoa học, công nghệ (nếu có) theo phân cấp của tỉnh.

- Các dự án quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, ứng phó sự cố thiên tai, tìm kiếm cứu nạn theo phân cấp của tỉnh.

- Y tế, dân số và gia đình: Trung tâm Y tế, Trung tâm Dân số huyện, thành phố; các cơ sở y tế theo phân cấp của tỉnh.

- Văn hóa thông tin: Các dự án tu bổ, tôn tạo di sản văn hóa, bảo tồn văn hóa truyền thống, các dự án văn hóa khác theo phân cấp của tỉnh.

- Phát thanh, truyền hình: Đài phát thanh, truyền hình huyện, thành phố.

- Thể dục, thể thao: Hạ tầng thể dục, thể thao do huyện, thành phố quản lý.

- Bảo vệ môi trường: Các dự án, công trình xử lý rác thải, khắc phục ô nhiễm môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững theo phân cấp của tỉnh.

- Các hoạt động kinh tế: Các dự án thủy lợi, hạ tầng phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, phát triển thủy sản, cây trồng, vật nuôi; các dự án phòng tránh thiên tai, bão, lụt, hạn hán; hạ tầng cụm công nghiệp; các chợ đầu mối, các dự án thoát nước; dự án hạ tầng giao thông theo phân cấp của tỉnh; vỉa hè, giao thông nội thị, đèn chiếu sáng, công viên, cây xanh nội thị và các công trình phục vụ công cộng do huyện, thành phố quản lý.

Chi chuyển đổi cơ cấu kinh tế, chi kết cấu hạ tầng vùng chuyển đổi; chi đầu tư cho khuyến nông, khuyến công, khuyến ngư, khuyến diêm và khuyến thương theo phân cấp của tỉnh.

- Quản lý nhà nước: Các dự án trụ sở, nhà công vụ của các cơ quan Đảng, Hội đồng nhân dân huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, trụ sở của các phòng, ban, ngành thuộc huyện và các tổ chức chính trị - xã hội được cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư do huyện, thành phố quản lý.

- Chi bảo đảm xã hội: Cơ sở cai nghiện ma túy, dự án cải tạo, nâng cấp công trình mộ, nghĩa trang liệt sỹ, công trình ghi công liệt sỹ; hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình có hoàn cảnh khó khăn do gặp thiên tai, hỏa hoạn; hỗ trợ việc làm, dạy nghề và các dự án trợ giúp xã hội khác theo phân cấp của tỉnh.

b) Chi hỗ trợ cho các xã khó khăn đầu tư công trình kết cấu hạ tầng, công trình phục vụ công cộng theo quy định.

c) Phần chi đầu tư phát triển trong các chương trình mục tiêu Quốc gia do các cơ quan cấp huyện, thành phố thực hiện theo dự toán chi được cấp tỉnh giao và phân cấp cho cấp huyện, thành phố quản lý.

d) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

(Đối với ngân sách cấp thành phố, ngoài nhiệm vụ đầu tư chung như cấp huyện, có phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư xây dựng các trường giáo dục phổ thông công lập (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trường tiểu học và trung học cơ sở), các công trình phúc lợi công cộng, điện chiếu sáng, cấp thoát nước, giao thông nội thị, an toàn giao thông, vệ sinh đô thị, trụ sở cơ quan hành chính phường, trạm y tế phường; hỗ trợ đầu tư xây dựng trung tâm học tập cộng đồng, văn hóa, công trình phục vụ công cộng phường; hỗ trợ đầu tư cho các xã thuộc thành phố để đầu tư xây dựng các công trình đã được phân cấp thực hiện).

2. Chi thường xuyên:

a) Các hoạt động sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề:

- Giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở, bổ túc văn hóa do cấp huyện quản lý.

- Giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và hoạt động giáo dục khác cấp huyện quản lý.

- Đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, đào tạo khác do cơ quan cấp huyện quản lý.

b) Chi ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất trên địa bàn các huyện, thành phố (nếu có).

c) Sự nghiệp y tế, dân số kế hoạch hóa gia đình:

- Chi chăm sóc sức khỏe nhân dân, phòng, chống dịch bệnh; thực hiện chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình và các hoạt động y tế khác trên địa bàn do huyện, thành phố quản lý theo phân cấp của tỉnh.

- Bảo hiểm y tế cho đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định của pháp luật.

d) Sự nghiệp văn hóa, thông tin do cơ quan cấp huyện quản lý.

đ) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình do cơ quan cấp huyện quản lý.

e) Sự nghiệp thể dục, thể thao do cấp huyện quản lý.

g) Sự nghiệp bảo vệ môi trường theo quy định (đối với thành phố đã bao gồm toàn bộ công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải của thành phố).

h) Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do các cơ quan cấp huyện quản lý:

- Sự nghiệp giao thông: Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cầu, đường và các công trình giao thông khác, lập biển báo và các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trên các tuyến đường do huyện, thành phố quản lý.

- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp, diêm nghiệp và khuyến khích các sự nghiệp kinh tế: Duy tu bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, hỗ trợ hợp tác xã, các trạm trại nông nghiệp, ngư nghiệp, công tác khuyến nông, khuyến ngư, chi bảo vệ nguồn lợi thủy sản, phòng chống lụt bão; Chi sự

Thy

ng nghiệp cho khuyến nông, khuyến công, khuyến ngư, khuyến diêm và khuyến thương theo phân cấp của tỉnh.

- Chi sự nghiệp thị chính: duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp, thoát nước, giao thông nội thị, công viên, cây xanh, vệ sinh đô thị và các sự nghiệp kiến thiết thị chính khác; chi trả tiền điện thấp sáng đối với các huyện có đường quốc lộ đi qua được tỉnh phân cấp quản lý.

- Hoạt động sự nghiệp về quản lý đất đai, đo đạc bản đồ theo phân cấp.

- Các sự nghiệp kinh tế khác do cấp huyện quản lý.

i) Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội, trong đó đã bao gồm chi thực hiện chế độ phụ cấp lực lượng dân quân tự vệ do cấp huyện quản lý và trợ cấp ngày công huấn luyện dân quân bình chủng do ngân sách cấp huyện bảo đảm theo quy định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

k) Hoạt động quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể:

- Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước ở cấp huyện.

- Hoạt động của các cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam ở cấp huyện.

- Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp huyện: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội nông dân, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.

l) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở cấp huyện theo quy định của pháp luật.

m) Chi bảo đảm xã hội:

- Các cơ sở bảo trợ xã hội, trợ giúp xã hội khẩn cấp, hoạt động cai nghiện ma túy, phòng chống tệ nạn xã hội, tặng quà cho đối tượng chính sách xã hội và các hoạt động sự nghiệp xã hội khác do cơ quan cấp huyện quản lý.

- Chi trả trợ cấp hàng tháng, chế độ mai táng phí cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các chính sách xã hội khác do tỉnh phân cấp cho cấp huyện quản lý.

n) Phân chi thường xuyên trong các chương trình mục tiêu (kể cả các chương trình mục tiêu Quốc gia) do cơ quan cấp huyện, thành phố thực hiện theo dự toán chi được cấp tỉnh giao và phân cấp cho cấp huyện, thành phố thực hiện.

o) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi chuyển nguồn từ năm trước sang năm sau.

4. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp dưới.

Điều 10. Nhiệm vụ chi ngân sách xã, phường, thị trấn

1. Chi đầu tư phát triển:

Thị trấn

NGHĨA

a) Đầu tư xây dựng (bao gồm đầu tư giải phóng mặt bằng, xây dựng mới và cải tạo, sửa chữa lớn) các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn theo phân cấp của tỉnh theo các lĩnh vực quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật Ngân sách nhà nước.

b) Chi đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của xã, thị trấn từ nguồn huy động đóng góp của các tổ chức, cá nhân vào từng dự án theo quy định của pháp luật, do Hội đồng nhân dân xã, thị trấn quyết định đưa vào ngân sách xã, thị trấn quản lý theo các lĩnh vực quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật Ngân sách nhà nước.

Chi tiết các lĩnh vực như sau:

- Giáo dục: Trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường tiểu học và trung học cơ sở, trung tâm học tập cộng đồng.

- Y tế, dân số và gia đình: Đầu tư giải phóng mặt bằng, xây dựng mới và cải tạo, sửa chữa lớn Trạm xá xã, thị trấn.

- Văn hóa, thông tin, thể thao: Nhà văn hóa xã, thị trấn và các công trình văn hóa, thể thao do xã, thị trấn quản lý.

- Phát thanh, truyền hình: Đài truyền thanh do xã, thị trấn quản lý.

- Các hoạt động kinh tế: Các công trình thủy lợi, thủy sản, hạ tầng giao thông, chợ dân sinh, hệ thống thoát nước, các công trình phục vụ công cộng khác do cấp xã quản lý theo phân cấp của tỉnh.

- Quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội : Trụ sở cơ quan quản lý hành chính xã, thị trấn.

c) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

Đối với xã thuộc thành phố, ngân sách cấp thành phố chủ động cân đối bố trí hỗ trợ nguồn vốn cho xã để cùng nguồn vốn khác, xã thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư được phân cấp.

Riêng đối với thị trấn còn có nhiệm vụ chi đầu tư xây dựng, cải tạo vỉa hè, đường phố nội thị, đèn chiếu sáng, công viên và nhiệm vụ khác.

(Đối với nhiệm vụ chi đầu tư phát triển của phường sẽ do thành phố thực hiện hoặc phân cấp cho phường thực hiện)

2. Chi thường xuyên:

a) Chi sự nghiệp giáo dục :

- Hỗ trợ hoạt động giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, trung học cơ sở, các lớp bổ túc văn hóa.

- Hoạt động của Trung tâm Giáo dục cộng đồng; khuyến học và các hoạt động giáo dục khác do cấp xã quản lý.

b) Chi ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất theo phân cấp của tỉnh (nếu có).

c) Chi sự nghiệp y tế, dân số kế hoạch hóa gia đình: Phụ cấp cán bộ y tế thôn, tổ dân phố; chi hỗ trợ chi thường xuyên và mua sắm trang thiết bị phục vụ cho khám bệnh, chữa bệnh của Trạm y tế cấp xã và các hoạt động y tế, dân số cộng đồng do cấp xã quản lý.

Chi mua Bảo hiểm y tế cho đối tượng Cựu chiến binh; đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến; đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế; đối tượng thanh niên xung phong và các đối tượng khác theo quy định của Chính phủ.

d) Chi hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao.

đ) Chi hoạt động phát thanh, truyền thanh do cấp xã quản lý.

e) Chi cho hoạt động sự nghiệp môi trường theo phân cấp: bao gồm hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường, rác thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường ở khu dân cư, nơi công cộng. Quản lý, vận hành hoạt động các công trình, dự án bảo vệ môi trường trên địa bàn được cấp thẩm quyền giao, các bãi chôn lấp chất thải hợp vệ sinh ở cấp xã. Chi kiểm tra, đánh giá, xử lý tình hình ô nhiễm môi trường và các biện pháp khắc phục bảo vệ môi trường tại địa phương theo phân cấp quản lý của tỉnh.

g) Chi các hoạt động sự nghiệp kinh tế :

- Chi duy tu bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên cơ sở vật chất các công trình phúc lợi, các công trình kết cấu hạ tầng do cấp xã quản lý như: Trường học, nhà trẻ, lớp mẫu giáo, trạm y tế, trụ sở cơ quan quản lý hành chính cấp xã, nhà văn hóa, thư viện, đài tưởng niệm, cơ sở thể dục thể thao, cầu đường giao thông, công trình thủy lợi, công trình cấp và thoát nước công cộng, hệ thống điện chiếu sáng, vỉa hè, cây xanh và các công trình phúc lợi công cộng khác theo quy định.

- Chi hỗ trợ khuyến khích phát triển các sự nghiệp kinh tế, như: Sự nghiệp nông nghiệp, ngư nghiệp, thủy lợi; chi cho khuyến nông, khuyến công, khuyến ngư, khuyến diêm và khuyến thương, phát triển nguồn thu theo phân cấp của tỉnh; chi sự nghiệp kinh tế khác theo chế độ quy định.

h) Chi cho hoạt động của cơ quan nhà nước, Đảng, đoàn thể cấp xã:

- Tiền lương, phụ cấp cho cán bộ, công chức cấp xã

- Hoạt động phí đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.

- Chi chế độ cho những người hoạt động không chuyên trách cấp theo quy định.

- Các khoản phụ cấp khác theo quy định của pháp luật.

- Công tác phí.

- Chi hoạt động, văn phòng như: Chi phí điện, nước, văn phòng phẩm, phí bưu điện, điện thoại, hội nghị, chi tiếp tân, khánh tiết.

- Chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên phương tiện làm việc; chi khác theo chế độ quy định.

- Kinh phí hoạt động của các cơ quan Đảng ở cấp xã.

- Kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã (Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Thanh tra nhân dân) sau khi trừ các khoản thu theo điều lệ và các khoản thu khác (nếu có); hỗ trợ hoạt động các tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, hoạt động Ban chỉ đạo của cấp xã theo quy định của pháp luật.

- Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, trích kinh phí công đoàn, mai táng phí cho cán bộ cấp xã và các đối tượng khác theo chế độ quy định.

i) Chi bảo đảm xã hội do cấp xã quản lý:

- Chế độ chính sách cho cán bộ cấp xã nghỉ việc theo Quyết định số 130-CP ngày 20 tháng 6 năm 1975 và Quyết định số 111-HĐBT ngày 13 tháng 10 năm 1981 của Hội đồng Bộ trưởng (không kể trợ cấp hàng tháng cho cán bộ xã nghỉ việc và trợ cấp thôi việc một lần cho cán bộ cấp xã nghỉ việc từ ngày 01 tháng 01 năm 1998 trở về sau do tổ chức bảo hiểm xã hội chi).

- Chi thăm hỏi, tặng quà các gia đình chính sách và người cao tuổi theo quy định.

- Chi thực hiện chế độ chính sách cho lão thành cách mạng, đối tượng Đảng viên được tặng huy hiệu 50 năm tuổi đảng trở lên còn sống không có lương hưu hoặc trợ cấp mất sức lao động theo quyết định của cấp có thẩm quyền; chế độ trợ cấp hàng tháng cho đối tượng thanh niên xung phong và đối tượng khác theo quy định của Chính phủ.

- Chi thực hiện chế độ mai táng phí cho đối tượng Cựu chiến binh, Thanh niên xung phong, đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến, đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo quy định của Chính phủ.

- Cứu tế xã hội; công tác phòng, chống tệ nạn xã hội và công tác xã hội khác, chính sách an sinh xã hội khác theo quy định của pháp luật.

k) Chi cho công tác dân quân tự vệ, trật tự, an toàn xã hội:

- Chi huấn luyện dân quân tự vệ, các khoản phụ cấp huy động dân quân tự vệ và các khoản chi khác về dân quân tự vệ thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã theo quy định của Luật Dân quân tự vệ.

- Chi thực hiện việc đăng kí nghĩa vụ quân sự, công tác nghĩa vụ quân sự khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật.

- Chi chế độ bảo vệ thôn, tổ dân phố; chi tuyên truyền, vận động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn cấp xã; các khoản chi khác theo chế độ quy định.

May

1) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

Riêng đối với nhiệm vụ chi thường xuyên của ngân sách phường thì nội dung chi cho hoạt động sự nghiệp môi trường do phường quản lý theo phân cấp của tỉnh; chi các hoạt động sự nghiệp kinh tế thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Chi chuyển nguồn từ năm trước sang năm sau.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Trong thời kỳ ổn định ngân sách, trường hợp đặc biệt có phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động làm ngân sách cấp huyện, cấp xã tăng thu lớn thì số tăng thu phải nộp về ngân sách cấp trên. Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định thu về ngân sách cấp trên số tăng thu này theo quy định tại khoản 7 Điều 9 và thực hiện bổ sung có mục tiêu một phần cho ngân sách cấp dưới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Luật Ngân sách nhà nước để hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng ở địa phương theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 12. Đối với nội dung phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu tiền sử dụng đất giữa các cấp ngân sách ở địa phương giai đoạn 2022-2025 thực hiện theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu tiền sử dụng đất giữa các cấp ngân sách ở địa phương giai đoạn 2022-2025.

Các khoản chi do cấp có thẩm quyền ban hành chưa đề cập trong Quy định này thì thực hiện việc phân cấp, lập dự toán, chấp hành, kế toán và quyết toán theo quy định./.

[Chữ ký]

